BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 383 /QĐ-BGDĐT	*Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ phụ nữ và bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 2282/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình "Tăng cường tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021- 2030";

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ phụ nữ và bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc sở giáo dục và đào tạo; Giám đốc các đại học, học viện; Hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng sư phạm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Ủy ban QGVSTBPNVN (để b/c);
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Công đoàn Giáo dục Việt Nam (để phối hợp chỉ đạo);
- Cổng thông tin điện tử Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, TCCB.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Ngô Thị Minh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
Vì sự tiến bộ phụ nữ và bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BGDĐT ngày tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Thực hiện Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030, Quyết định số 2282/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình "Tăng cường tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021-2030", Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ phụ nữ và bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030 của Bộ Giáo dục và Đào tạo với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

1.1. Tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện, cơ hội để phụ nữ và nam giới tham gia, tiếp cận và thụ hưởng bình đẳng trong lĩnh vực giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước.

1.2. Bảo đảm sự tham gia bình đẳng của phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp học, trình độ đào tạo và các cấp quản lý giáo dục nhằm phát huy tiềm năng, sức sáng tạo của phụ nữ, góp phần thực hiện thành công đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, hướng tới thực hiện cam kết đạt mục tiêu phát triển bền vững về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu 1: Bảo đảm các vấn đề về giới, bình đẳng giới được đưa vào chương trình giảng dạy trong hệ thống giáo dục quốc dân

a) Chỉ tiêu 1: Nội dung về giới, bình đẳng giới, sức khỏe sinh sản được lồng ghép vào việc biên soạn sách giáo khoa giáo dục phổ thông 2018 và giảng dạy ở các cấp học.

b) Chỉ tiêu 2: Nội dung về giới, bình đẳng giới được giảng dạy chính thức ở các trường sư phạm từ năm 2025 trở đi.

2.2. Mục tiêu 2: Thu hẹp khoảng cách giữa trẻ em trai và gái trong tiếp cận giáo dục ở các vùng, miền

a) Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ trẻ em trai và gái được tiếp cận với phát triển, chăm sóc giai đoạn trẻ thơ và giáo dục mầm non có chất lượng đạt 35% trẻ nhà trẻ, 95% trẻ mẫu giáo vào năm 2025 và 40% trẻ nhà trẻ, 97% trẻ mẫu giáo vào năm 2030.

b) Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ trẻ em trai và gái dân tộc thiểu số hoàn thành giáo dục tiểu học đạt 99% vào năm 2025 và trên 99% vào năm 2030.

c) Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ trẻ em trai và gái dân tộc thiểu số hoàn thành chương trình trung học cơ sở đạt trên 83% vào năm 2025 và trên 86% vào năm 2030.

d) Chỉ tiêu 5: Tỷ lệ nữ biết chữ đạt 98,2% vào năm 2025 và đạt 99% vào năm 2030; trong đó, tỷ lệ nữ người dân tộc thiểu số và miền núi biết chữ đạt 93,5% vào năm 2025 và đạt 94,5% vào năm 2030.

2.3. Mục tiêu 3: Tăng tỷ lệ nữ tham gia các vị trí quản lý, lãnh đạo trong các cơ sở giáo dục, các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và nghiên cứu khoa học

a) Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên có nữ quy hoạch vào các chức danh lãnh đạo, quản lý đạt 95% vào năm 2025 và đạt 97% vào năm 2030; phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo, các cơ sở đào tạo đạt 92% vào năm 2025 và đạt 95% vào năm 2030.

b) Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo có nữ giữ vị trí lãnh đạo chủ chốt đạt trên 60% vào năm 2025 và đạt trên 75% vào năm 2030.

c) Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ nữ công chức, viên chức trong quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý các đơn vị được đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực đạt 75% tổng số nữ công chức, viên chức quy hoạch vào năm 2025 và đạt 90% tổng số nữ công chức, viên chức quy hoạch vào năm 2030.

d) Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ nữ thạc sĩ trong tổng số công chức, viên chức có trình độ thạc sĩ đạt ít nhất 50% từ năm 2025 trở đi; tỷ lệ nữ tiến sĩ trên tổng số tiến sĩ đang công tác trong các cơ sở giáo dục đạt 40% vào năm 2025 và 45% vào năm 2030.

đ) Chỉ tiêu 5: Tỷ lệ nữ làm chủ nhiệm các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý đạt trên 35% vào năm 2025 và trên 45% vào năm 2030.

2.4. Mục tiêu 4: Công tác thông tin, truyền thông

a) Chỉ tiêu 1: Có ít nhất 04 triệu lượt phụ huynh học sinh, 08 triệu lượt học sinh từ cấp tiểu học đến trung học phổ thông và khoảng 03 nghìn cán bộ các

cấp ở địa phương được tiếp cận các vấn đề giới, bình đẳng giới và các vấn đề liên quan đến giới thông qua các tài liệu và sự kiện truyền thông vào năm 2025; ít nhất 05 triệu lượt phụ huynh học sinh, 10 triệu lượt học sinh từ cấp tiểu học đến trung học phổ thông và khoảng 04 nghìn cán bộ các cấp ở địa phương được tiếp cận các vấn đề giới, bình đẳng giới và các vấn đề liên quan đến giới thông qua các tài liệu và sự kiện truyền thông vào năm 2030.

b) Chỉ tiêu 2: Có ít nhất 01 nghìn lượt cán bộ, giáo viên và học sinh được tập huấn trở thành đội ngũ truyền thông về giới, bình đẳng giới và các vấn đề liên quan đến giới của ngành Giáo dục.

c) Chỉ tiêu 3: Duy trì đạt 100% Cổng thông tin điện tử/website của các cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý giáo dục các cấp có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới hằng quý.

2.5. Mục tiêu 5: Tăng cường năng lực bộ máy quản lý nhà nước về bình đẳng giới

a) Chỉ tiêu 1: Đến năm 2025 có 80% và đến năm 2030 có 100% công chức, viên chức làm công tác xây dựng thể chế của các đơn vị được tập huấn kiến thức về đánh giá tác động giới, lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực, ngành phụ trách.

b) Chỉ tiêu 2: Đến năm 2025 có 80% và đến năm 2030 có 100% thành viên Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ các đơn vị được tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng hoạt động liên quan tới nâng cao năng lực về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền

1.1. Tăng cường trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là người đứng đầu về công tác cán bộ nữ và thực hiện bảo đảm bình đẳng giới đối với nữ cán bộ, công chức, viên chức và nhân viên theo thẩm quyền. Tạo cơ hội cho phụ nữ tham gia hoạch định các chính sách vĩ mô, góp phần cải thiện điều kiện sống và làm việc, nâng cao sức khỏe và phát huy trí tuệ, năng lực của phụ nữ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; bảo đảm sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

1.2. Tiếp tục kiện toàn, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ các cấp, triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ.

1.3. Quan tâm bố trí, sử dụng cán bộ nữ nhằm nâng cao tỷ lệ nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý trong các đơn vị, cơ sở giáo dục và đào tạo, nhất là các cơ quan quản lý giáo dục.

1.4. Xây dựng cơ sở dữ liệu về nữ công chức, viên chức của Bộ, ngành Giáo dục làm cơ sở phân tích để quy hoạch, kiện toàn cơ cấu nữ công chức, viên chức, đặc biệt là đội ngũ nữ công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý.

2. Xây dựng và ban hành các văn bản, tài liệu, nội dung về bình đẳng giới và thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới

2.1. Nghiên cứu rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật có liên quan đến vấn đề bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ.

2.2. Nghiên cứu, xây dựng nội dung về giới, bình đẳng giới, giới tính, sức khỏe sinh sản vào giảng dạy trong các cấp học.

2.3. Xây dựng và triển khai chương trình đưa nội dung về bình đẳng giới vào hệ thống bài giảng chính thức trong các cấp học; đổi mới phương pháp, hình thức dạy học nội dung về giới, bình đẳng giới, giới tính, sức khỏe sinh sản.

2.4. Xây dựng nội dung về bình đẳng giới vào chương trình đào tạo sư phạm.

3. Bảo đảm nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy cơ hội học tập suốt đời cho mọi người

3.1. Xây dựng chương trình giáo dục mầm non tiên tiến, phù hợp với điều kiện thực tiễn; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em mầm non và đánh giá sự phát triển của trẻ; nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em mầm non, hình thành ở trẻ hiểu biết về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nền nếp cần thiết trong hoạt động học và sinh hoạt.

3.2. Thực hiện các giải pháp đánh giá, giám sát, hỗ trợ để tăng tỷ lệ huy động trẻ em nhà trẻ, mẫu giáo đến trường, tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ để củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trẻ mẫu giáo 05 tuổi và hướng đến phổ cập giáo dục trẻ mẫu giáo 04 tuổi. Xây dựng chính sách hỗ trợ xóa mù chữ, tăng cường phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho phụ nữ, trẻ em gái và người dân tộc thiểu số ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; tiếp tục thực hiện Đề án "Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025" theo Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

3.3. Triển khai có chất lượng và hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông 2018; đổi mới phương pháp và đa dạng hóa hình thức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh, tạo điều kiện cho học sinh được tiếp cận khai thác các nguồn học liệu đa dạng, phong phú; phát triển khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời; khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện hoàn cảnh của bản thân; những phẩm chất, năng lực cần thiết đối với người lao động, ý thức và nhân cách công dân; khả năng thích ứng với những đổi thay trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.

3.4. Tuyên truyền, vận động và tổ chức tốt việc học tập suốt đời cho người lớn, phấn đấu mỗi người, mỗi gia đình, làng (xóm, thôn, bản), xã (phường, thị trấn) trở thành công dân học tập, gia đình học tập và đơn vị học tập. Chú trọng bồi dưỡng kiến thức tin học, ngoại ngữ, kỹ năng làm việc nhóm cho nữ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phù hợp với từng lĩnh vực, ngành, nghề và vùng, miền.

3.5. Đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập theo Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030"; đổi mới, đa dạng hóa hình thức hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng; quan tâm xóa mù chữ và giáo dục sau biết chữ đối với đồng bào vùng dân tộc thiểu số, miền núi đặc biệt là phụ nữ và trẻ em gái người dân tộc thiểu số.

3.6. Phát triển các dịch vụ giáo dục và đào tạo để đáp ứng nhu cầu học tập của người dân tộc thiểu số, người sống ở vùng núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người khuyết tật, trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; bảo đảm công bằng trong tiếp cận dịch vụ giáo dục có chất lượng.

3.7. Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách tín dụng giáo dục cho người học; chính sách trợ cấp và miễn, giảm học phí cho người là đối tượng được hưởng chính sách xã hội, người dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.

3.8. Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi.

3.9. Tăng cường các chương trình giáo dục, tuyên truyền, chăm sóc sức khỏe, phát triển thể chất, nâng cao thể lực cho trẻ em, học sinh, sinh viên đáp ứng mục tiêu của Đề án “Phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011- 2030”.

4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ cán bộ nữ có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực lãnh đạo, quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới

4.1. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025”; rà soát, đánh giá kết quả đạt được và tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định 33/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mầm non giai đoạn 2018 - 2025”; đào tạo, bồi dưỡng giáo viên đạt chuẩn đào tạo theo quy định tại Luật Giáo dục 2019; thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của giáo

viên mầm non, phổ thông theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ.

4.2. Triển khai có hiệu quả Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019 - 2025 theo Quyết định số 69/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, thực chất về chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của hệ thống giáo dục đại học đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực, đặc biệt nguồn nhân lực chất lượng cao.

4.3. Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030 theo Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ nhằm xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học bảo đảm về chất lượng, hợp lý về cơ cấu, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và phát triển khoa học, công nghệ cho đất nước, gắn với yêu cầu khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

4.4. Đổi mới chương trình giáo dục và đào tạo, phương pháp giảng dạy theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực; chú trọng các kỹ năng mềm cho người học.

4.5. Xây dựng mối liên kết chặt chẽ giữa nhà trường và doanh nghiệp nhằm giúp các sinh viên, đặc biệt là sinh viên nữ có cơ hội trải nghiệm môi trường thực tế ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường.

4.6. Tạo cơ chế để giảng viên, nhà khoa học nữ phát triển nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học; ưu tiên cho nghiên cứu ứng dụng. Kết hợp giữa đào tạo với nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ tạo ra sản phẩm trí tuệ, sáng tạo của Việt Nam.

5. Tăng cường phối hợp tổ chức các phong trào thi đua yêu nước nhằm tạo động lực cho phụ nữ phát huy vai trò nòng cốt trong xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc

5.1. Tập trung triển khai hiệu quả Phong trào thi đua "Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập"; Phong trào thi đua "Giỏi việc trường - Đảm việc nhà" gắn với phong trào "Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc"; cuộc vận động "Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo" gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

5.2. Tiếp tục chỉ đạo triển khai Kế hoạch số 1506/KH-BGDĐT ngày 31 tháng 5 năm 2019 thực hiện Đề án "Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018 - 2025" theo Quyết định số 1299/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính

phủ; Kế hoạch số 103/KH-CĐN ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Công đoàn Giáo dục Việt Nam về nâng cao năng lực ứng xử sư phạm, đạo đức nhà giáo, thực hiện bộ quy tắc ứng xử trong các nhà trường, hướng tới xây dựng trường học hạnh phúc đối với các đơn vị, trường học, cơ sở giáo dục và đào tạo trong toàn ngành bảo đảm hiệu quả.

5.3. Tổ chức khen thưởng, biểu dương kịp thời các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua, cuộc vận động, trong công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ phụ nữ và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới.

6. Đẩy mạnh tập huấn, kiểm tra để thực hiện tốt công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ

6.1. Tổ chức tập huấn kiến thức giới, bình đẳng giới và kỹ năng lồng ghép giới trong việc lập kế hoạch và thực thi chính sách cho các thành viên trong Ban biên soạn sách giáo khoa, Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa giáo dục phổ thông 2018, cán bộ quản lý về bình đẳng giới, cán bộ làm công tác bình đẳng giới và thành viên Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ các đơn vị.

6.2. Triển khai các chương trình bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ nữ cán bộ, công chức, viên chức; nữ lãnh đạo quản lý.

6.3. Tăng cường công tác phối hợp nhằm tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách, pháp luật vì sự tiến bộ phụ nữ và bình đẳng giới.

6.4. Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác quốc tế về vì sự tiến bộ phụ nữ và bình đẳng giới trong ngành Giáo dục.

6.5. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc thực hiện chính sách, pháp luật vì sự tiến bộ phụ nữ và bình đẳng giới.

7. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền

7.1. Xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới hằng năm hiệu quả, sáng tạo, tiết kiệm, có sức lan tỏa; xây dựng, triển khai kế hoạch truyền thông gắn sự kiện này.

7.2. Đa dạng hóa các hình thức truyền thông, tổ chức các hoạt động truyền thông phù hợp; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức các hoạt động truyền thông nhằm tăng hiệu quả và đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

7.3. Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến những nội dung về bình đẳng giới trong Bộ luật Lao động năm 2019 bằng các hình thức phù hợp với từng đối tượng và điều kiện, tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, trường học, cơ sở giáo dục.

7.4. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bình đẳng giới, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới trên các phương tiện thông tin đại chúng và lồng ghép trong các hoạt động của cơ quan, đơn vị với hình thức phù hợp nhằm nâng cao nhận thức, thực hành về bình đẳng giới

trong cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngành Giáo dục và học sinh, sinh viên.

7.5. Tuyên truyền giới thiệu các mô hình tiêu biểu, nhân rộng những điển hình tốt, người có uy tín, ảnh hưởng tích cực trong các đơn vị, trường học và cộng đồng, thu hút sự tham gia của nam giới, trẻ em trai trong thực hiện bình đẳng giới.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thực hiện Kế hoạch theo hai giai đoạn

1.1. Giai đoạn 1 (2021 - 2025): Tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp bảo đảm hiệu quả; đánh giá các mục tiêu và giải pháp của Kế hoạch vào cuối năm 2025 và điều chỉnh (nếu cần thiết); tổ chức sơ kết thực hiện Kế hoạch giai đoạn 1 vào đầu năm 2026.

1.2. Giai đoạn 2 (2026 - 2030): Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện có hiệu quả Kế hoạch, đồng thời tập trung củng cố và nâng cao chất lượng các hoạt động, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu; đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch vào cuối năm 2030 và tổng kết vào đầu năm 2031.

2. Phân công trách nhiệm

2.1. Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Ban hành văn bản hướng dẫn công tác vì sự tiến bộ phụ nữ và bình đẳng giới từng năm để tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch.

b) Triển khai các văn bản tổ chức thực hiện và kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được phân công trong Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ phụ nữ và bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030.

c) Phối hợp với các đơn vị chuyên môn tổ chức các khóa tập huấn kiến thức về giới, phân tích và lồng ghép vấn đề bình đẳng giới; tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng hoạt động và nâng cao nhận thức về bình đẳng giới.

d) Hướng dẫn và tổ chức triển khai Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới hằng năm.

đ) Hướng dẫn các đơn vị, Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ các đơn vị trong ngành Giáo dục tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới.

e) Tổ chức tổng kết hằng năm, giai đoạn và báo cáo lãnh đạo Bộ, Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam về thực hiện Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ phụ nữ và bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030 của Bộ.

2.2. Các đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện báo cáo các mục tiêu, chỉ tiêu

a) Xây dựng kế hoạch thực hiện để đạt được mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

b) Tổng hợp, đánh giá, báo cáo tình hình triển khai và kết quả đạt được theo định kỳ (6 tháng và 1 năm) hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ của Bộ, gửi về Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ Bộ (qua Vụ Tổ chức cán bộ).

c) Phân công trách nhiệm của các đơn vị chủ trì thực hiện như sau:

- Vụ Giáo dục Trung học chủ trì, phối hợp với Vụ Giáo dục Tiểu học, Vụ Giáo dục thường xuyên, Vụ Giáo dục Đại học thực hiện mục tiêu 1.

- Vụ Giáo dục dân tộc chủ trì, phối hợp với Vụ Giáo dục Mầm non, Vụ Giáo dục Tiểu học, Vụ Giáo dục Trung học, Vụ Giáo dục thường xuyên thực hiện mục tiêu 2.

- Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Giáo dục Đại học, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thực hiện mục tiêu 3.

- Vụ Giáo dục Chính trị và Công tác học sinh, sinh viên chủ trì, phối hợp với Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Văn phòng thực hiện mục tiêu 4.

- Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Vụ Tổ chức cán bộ thực hiện mục tiêu 5.

2.3. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ

a) Tổ chức quán triệt các nội dung trong Kế hoạch này đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên trong toàn đơn vị.

b) Căn cứ các nội dung của Kế hoạch này xây dựng kế hoạch giai đoạn 2021 - 2030 và kế hoạch hằng năm với những nhiệm vụ, giải pháp phù hợp.

c) Bố trí, phân bổ kinh phí hằng năm đối với hoạt động vì sự tiến bộ phụ nữ và bình đẳng giới theo quy định.

d) Tổng hợp, đánh giá, báo cáo tình hình triển khai và kết quả đạt được theo định kỳ (6 tháng và 1 năm) hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ của Bộ, gửi về Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ Bộ (qua Vụ Tổ chức cán bộ).

2.4. Các sở giáo dục và đào tạo

a) Chỉ đạo các phòng giáo dục và đào tạo, các đơn vị trực thuộc sở tổ chức quán triệt các nội dung trong Kế hoạch này đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, học viên.

b) Căn cứ các nội dung của Kế hoạch này và chỉ đạo của Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ cấp tỉnh xây dựng kế hoạch giai đoạn 2021 - 2030 và kế hoạch hằng năm với những nhiệm vụ, giải pháp phù hợp. Chỉ đạo thường xuyên, kịp thời

các hoạt động nhằm thực hiện hiệu quả Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ phụ nữ và bình đẳng giới của đơn vị, của Bộ.

c) Bố trí, phân bổ kinh phí hằng năm đối với hoạt động vì sự tiến bộ phụ nữ và bình đẳng giới của đơn vị theo quy định.

d) Tổng hợp, đánh giá, báo cáo tình hình triển khai và kết quả đạt được theo định kỳ (6 tháng và 1 năm) hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ của Bộ, gửi về Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ Bộ (qua Vụ Tổ chức cán bộ).

2.5. Các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng sư phạm

a) Tổ chức quán triệt các nội dung trong Kế hoạch này đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên, học viên.

b) Căn cứ các nội dung của Kế hoạch này và chỉ đạo của cơ quan quản lý trực tiếp để xây dựng kế hoạch giai đoạn 2021 - 2030 và kế hoạch hằng năm với những nhiệm vụ, giải pháp phù hợp. Chỉ đạo thường xuyên, kịp thời các hoạt động nhằm thực hiện hiệu quả Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ phụ nữ và bình đẳng giới của đơn vị, của Bộ.

c) Bố trí, phân bổ kinh phí hằng năm đối với hoạt động vì sự tiến bộ phụ nữ và bình đẳng giới của đơn vị theo quy định.

d) Tổng hợp, đánh giá, báo cáo tình hình triển khai và kết quả đạt được theo định kỳ (6 tháng và 1 năm) hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ của Bộ, gửi về Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ Bộ (qua Vụ Tổ chức cán bộ).

3. Đề nghị Công đoàn Giáo dục Việt Nam trong phạm vi chức năng của mình, tham gia tổ chức triển khai Kế hoạch; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục cho đội ngũ công đoàn các cấp nhằm nâng cao nhận thức về bình đẳng giới cho cán bộ, nhà giáo, người lao động trong ngành Giáo dục.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể, Thủ trưởng các đơn vị đề xuất, gửi Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ Bộ (qua Vụ Tổ chức cán bộ) để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định./.